TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN H** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2023
V/v: tranh chấp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN H, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trần Đông

2. Bà Trần Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp nuôi con của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Ú, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Tà Rom B, xã Đôn Ch, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Sơn Sóc Kh, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Tà Rom B, xã Đôn Ch, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Con chung:* Cháu Thạch Thị Phia R, sinh năm 2000 và cháu Sơn Ra Ta N, sinh ngày 29/3/2012.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2022, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Ú trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, năm 1999 bà và ông Khone có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai người sinh sống tại ấp Tà Rom B, xã Đôn Ch. Đến năm 2000 hai người bắt đầu xảy ra mâu thuẫn thường hay cải nhau từ những việc rất nhỏ nên bà và ông Kh không còn sống chung khoảng hơn 02 năm, hiện bà vẫn sống ở ấp Tà Rom B, xã Đôn Ch, ông Kh chuyển về sinh sống hẳn ở ấp Cây C, xã Đôn X. Nay cảm thấy không còn tình

cảm, ông Kh cũng không muốn trở về sống chung tiếp nên bà quyết định yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng để bà yên tâm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Về con chung, bà và ông Kh có 02 con chung tên Thạch Thị Phia R, sinh năm 2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu về quyền nuôi con, đối với cháu Sơn Ra Ta N, sinh ngày 29/3/2012 hiện đang học lớp 5 tại Trường tiểu học Đôn Ch và sinh sống với bà nên bà yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, với công việc làm thuê hiện nay bà có khả năng và đủ điều kiện đảm bảo nuôi con.

Về quyền tài sản chung, không có nên bà không yêu cầu gì khác.

Về nghĩa vụ tài sản chung, không có nên bà không có yêu cầu gì.

Bị đơn ông Sơn Sóc Kh trình bày cho rằng:

Về hôn nhân, ông cũng thừa nhận năm 1999 có tổ chức lễ cưới với bà Ú theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai người sinh sống tại ấp Tà Rom B, xã Đôn Ch. Đến năm 2000 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn thường hay cải nhau từ những việc rất nhỏ, thời gian dài cứ như vậy cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, ông dần dần không còn tình cảm yêu thương gì với vợ nên cách nay khoảng hơn 02 năm ông đã chuyển về sinh sống hẳn nhà của cha mẹ tại ấp Cây C, xã Đôn X và từ đó hai người không còn sống chung. Nay ông không còn tình cảm với bà Ú và không muốn trở về sống chung tiếp đồng ý theo bà Ú khởi kiện, vì công việc đi làm thuê nên xin nghỉ khó khăn nên ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung, ông thừa nhận có 02 con chung tên Thạch Thị Phia R, sinh năm 2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông cũng không yêu cầu về quyền nuôi con, đối với cháu Sơn Ra Ta N, sinh ngày 29/3/2012 hiện đang sống chung bà Ú và học tại trường tiểu học Đôn Ch nên ông đồng ý để con sống chung bà Ú tiếp theo bà Ú yêu cầu và theo nguyện vọng của con, bà Ú không yêu cầu cấp dưỡng thì ông cũng thống nhất, không ý kiến gì khác.

Về quyền tài sản chung, đúng là không có như bà Ú khai nên ông cũng không yêu cầu gì khác.

Về nghĩa vụ tài sản chung, đúng là không có như bà Ú khai nên ông không có yêu cầu gì.

Con chung cháu Sơn Ra Ta N, sinh ngày 29/3/2012 trình bày cho rằng từ nhỏ cháu ở và sinh sống bên ngoại ở xã Đôn Ch cùng với bà Ú và đi học nên có nguyện vọng yêu cầu được ở sinh sống chung tiếp với bà Ú.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và cùng đề nghị xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện, bà Ú và ông Kh tự nguyện tổ chức đám cưới với nhau mà không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân, con chung có 01 đứa chưa đủ 18 tuổi bà Ú yêu cầu nuôi và không cần cấp dưỡng, 01 đứa lớn đã trên 18 tuổi nên không ai có yêu cầu về quyền nuôi con; tài sản chung và nợ chung đều không có. Qua đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: nhận thấy, bà Ú và ông Kh không đăng ký kết hôn với nhau nên không được công nhận là vợ chồng, nguyên nhân bà Ú yêu cầu ly hôn là vì sống chung xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 9, 14, 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân, đề nghị không công nhận bà Ú và ông Kh là vợ chồng.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không giải quyết.

Về con chung, đề nghị giao con chung Sơn Ra Ta N, sinh ngày 29/3/2012 cho bà Ú nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con, bà Ú không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị không giải quyết. Đối với Thạch Thị Phia R, sinh năm 2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Án phí đề nghị buộc nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bà Thạch Thị Ú và ông Sơn Sóc Kh là đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, các lời khai của bà Ú và ông Kh trong quá trình giải quyết vụ án đều xác định hai người không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới năm 1999. Quá trình sinh sống chung xảy ra mâu thuẫn do thường xuyên cự cải nhau, không hạnh phúc, không còn tình cảm thương yêu nhau, trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án có thông báo để giải quyết hậu quả của việc sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn về con chung, quyền nghĩa vụ tài sản chung. Xét hôn nhân của bà Ú và ông Kh là không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 và Thông tư liện tịch số 01/2016TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, có cháu Sơn Ra Ta N, sinh ngày 29/3/2012 đủ 07 tuổi, bà Ú yêu cầu nuôi, Tòa án có giải thích về quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp

luật, nhưng bà Ú không yêu cầu, đồng thời ông Ú không ý kiến gì khác. Xét việc bà Ú không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, vào nguyện vọng của cháu Sơn Ra Ta N yêu cầu ở với bà Ú, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho bà Ú nuôi là thỏa đáng. Đối với Thạch Thị Phia R, sinh năm 2000 đã thành niên và có khả năng lao động nên bà Ú và ông Kh không yêu cầu về quyền nuôi con nên không giải quyết.

[4] Về quyền chung tài sản, bà Ú và ông Kh đều khai xác nhận không có và yêu cầu tranh chấp gì khác nên không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung tài sản, bà Ú và ông Kh đều khai xác nhận không có và yêu cầu tranh chấp gì khác nên không giải quyết.

[6] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Thạch Thị Ú tuy là người dân tộc Khmer sống ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhưng không có đơn yêu cầu miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, 15, 51, 53, 56, 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liện tịch số 01/2016TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Ú.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Thạch Thị Ú và ông Sơn Sóc Kh là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Sơn Ra Ta N, sinh ngày 29/3/2012 cho bà Thạch Thị Ú trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, nguyện vọng của cháu Sơn Ra Ta N cũng yêu cầu ở với bà Ú . Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền

yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Thạch Thị Ú chịu án án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0012363 ngày 11/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H nên bà Ú không phải nộp tiếp.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên H;
- Chi cục THADS huyện Duyên H;
- UBND xã nơi đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga